TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 448/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/ 11 /2018
" V/v tranh chấp ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B -TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Trang Văn Hai.

2. Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B*** *tham gia phiên tòa*: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1844/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 418/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Ngọc Kiều H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà 444, khu 3, ấp 2, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Vũ Tuấn A, sinh năm 1986.

Địa chỉ thường trú: Xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 7B, ấp M, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn bà Hoàng Ngọc Kiều H trình bày: Bà và ông A xây dựng gia đình với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống được hơn một năm thì không hạnh phúc nguyên nhân không đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp nên thường xảy ra xung đột nhau dẫn đến không quan tâm lẫn nhau và ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay bà xét thấy bà không còn tình cảm với ông A, không thể chung sống vợ chồng với nhau được nên bà làm đơn xin ly hôn với ông A.

Về con chung: Giữa bà và ông A có 01 con chung tên Vũ Hoàng Thành Đ, sinh ngày 20/11/2013. Hiện tại bà đang nuôi con, ly hôn bà xin tiếp tục nuôi con không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai của bị đơn ông Vũ Tuấn A trình bày: Ông A cũng xác định ông và bà H xây dựng gia đình với nhau và đăng ký kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện đúng như bà H khai. Quá trình chung sống có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ông và bà H đã ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Nay bà H có đơn xin ly hôn ông xét thấy ông đã tự hàn gắn đoàn tụ nhưng bà H vẫn cương quyết ly hôn nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Giữa ông và bà H có 01 con chung tên Vũ Hoàng Thành Đ, sinh ngày 20/11/2013. Hiện tại bà H đang nuôi con và xin tiếp tục nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng, ông đồng ý giao con cho bà H nuôi tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hôn nhân giữa bà H và ông A là hôn nhân hợp pháp, bà H có đơn xin ly hôn ông A đồng ý ly hôn và cả hai bên đương sự xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H. Về con chung có 01 con chung Vũ Hoàng Thành Đ, sinh ngày 20/11/2013. Hiện tại bà H đang nuôi con, ly hôn bà H xin tiếp tục nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng, ông A đồng ý, đề nghị giao con cho bà H nuôi, tài sản chung và nợ chung không có, án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà H và ông A có đơn xin không tham gia hòa giải, công khai chứng cứ và vắng mặt khi xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông A xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn số 58/2013 quyển số 01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân giữa bà H và ông A được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà H và ông A xác định quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không tin tưởng nhau, tình cảm không còn và đã sống ly thân nhau, bà H xin ly hôn và ông A đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông A đã thật sự trầm trọng, không ai có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án áp dụng

Điều 56, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông A là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Hoàng Thành Đ, sinh ngày 20/11/2013. Hiện tại bà H đang nuôi con, ly hôn bà H đề nghị được tiếp tục nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng, ông A đồng ý giao con cho bà H nuôi tạm thời ông A không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con các đương sự tự nguyện phù hợp quy định pháp luật, nên giao cháu Vũ Hoàng Thành Đ, sinh ngày 20/11/2013

cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông A không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà H và ông A khai không có, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà H và ông A khai không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, bà H phải nộp 300.000đ.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Ngọc Kiều H. Cho bà Hoàng Ngọc Kiều H được ly hôn ông Vũ Tuấn A.

Về con chung: Giao cháu Vũ Hoàng Thành Đ, sinh ngày 20/11/2013 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông A không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, bà H và ông A được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông A khai không có, nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà H và ông A khai không có, nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Bà H phải nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai số 008664 ngày 25/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà H đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Lưu hồ sơ vụ án.(1)
- Lưu văn phòng.(2)
- Các đương sự.(2)
- VKSND TP B.(2)
- THA dân sự TP B.(1)
- TAND tỉnh Đồng Nai. (1)
- UBND nơi ĐKKH (1)

Hoàng Thị Thu Minh